



Dữ liệu thị trường ngày 03/08/2026

Tổng quan	VN-Index	HNX-Index
-----------	----------	-----------

Chỉ số	1.762,84	279,28
Thay đổi (điểm)	27,06	8,03
Thay đổi (%)	1,56	2,96
KLGD (triệu cp)	771	65
GTGD (tỷ đồng)	19.275	996

NDT nước ngoài giao dịch ròng		
HOSE	1.057	(tỷ đồng)
HNX	-19	(tỷ đồng)
UPCOM	-19	(tỷ đồng)



Top cổ phiếu ảnh hưởng VNINDEX

Ảnh hưởng tích cực:

MBB, VCB, FPT, CTG,...

Ảnh hưởng tiêu cực:

VIC, MCH, VNM, VHM,...

NHÓM VN30 ĐƯỢC DÒNG TIỀN CHÚ Ý - VNINDEX KHÔI PHỤC LẠI SẮC XANH

Chuyển động thị trường và dự báo:

Trong phiên giao dịch ngày 03/08, chỉ số VN-Index dành phần lớn thời gian vận động trên mức tham chiếu cùng với sắc xanh bao phủ hầu hết các mã cổ phiếu. Nhóm VN30 được dòng tiền chú ý khi có tới 24/30 mã cổ phiếu tăng giá, trở thành điểm tựa tâm lý trong phiên giao dịch hôm nay. Nhóm công nghệ thông tin phát tín hiệu tích cực nhất với hiệu suất ngành tăng 6,65%, tiêu biểu là các mã FPT (+6,86%), CMG (+5,35%) và ELC (+4,05%). Theo sau là nhóm tiêu dùng không thiết yếu (+2,41%) cùng với lực cầu xuất hiện mạnh mẽ tại các ông lớn như MWG (+3,72%), FRT (+6,99%), PNJ (+6,94%). Bên cạnh đó, nhóm tài chính nhanh chóng lấy lại sắc xanh (+2,59%) sau khi vấp phải áp lực chốt lãi trước đó, điển hình là các mã cổ phiếu như BVH (+6,99%), HDB (+3,17%), CTG (+3,25%), SSI (+4,25%). Ngoài ra, nhóm nguyên vật liệu cũng tích cực không kém khi các mã cổ phiếu đầu ngành như HPG, GVR, DCM... đồng loạt phục hồi, giúp hiệu suất ngành tăng 2,35%. Kết thúc phiên, chỉ số VN-Index tăng 27,06 điểm (+1,56%) và đóng cửa ở mức 1.762,84 điểm.

Thanh khoản toàn thị trường đạt 19.275 tỷ đồng, tăng 1,33% so với phiên giao dịch trước đó, cho thấy tâm lý nhà đầu tư dần được cải thiện. Khối ngoại đảo chiều mua ròng trong phiên giao dịch hôm nay với tổng giá trị mua ròng đạt 1.020 tỷ đồng, tập trung mua vào ở các mã cổ phiếu như FPT (524 tỷ đồng), HPG (283 tỷ đồng) và VCB (136 tỷ đồng). Ở chiều ngược lại, các mã cổ phiếu bị bán mạnh nhất là NLG (114 tỷ đồng), STB (72 tỷ đồng), TCB (71 tỷ đồng).

Hiện tại, nhà đầu tư có thể tham khảo Chiến lược giao dịch tuần 31-2026 (Chi tiết tại đây) để lên phương án giao dịch hiệu quả, đồng thời lưu ý về các tỷ trọng margin trong bối cảnh chỉ số VN-Index tiếp tục quá trình hướng lên kiểm tra lại ngưỡng SMA 200 ngày, đóng vai trò là kháng cự quan trọng trong ngắn hạn.

CỔ PHIẾU QUAN TÂM: CTG, SAB, MSR, GMD, BMP, NT2, BSR, CTD.



Danh sách khuyến nghị tháng 07.2026

Mã cổ phiếu	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ
MWG	88.000	75.000
CTG	38.000	33.000
PHR	70.500	60.500
SSI	29.800	26.000
VPB	30.500	26.500
GMD	85.000	74.300
MBB	28.500	25.200
PVD	36.300	31.000

Danh sách công bố ngày 08/07/2026, VikkibankS.vn



VikkiBankS
(028) 7100 0001
vikkibanks.vn
cskh@vikkibanks.vn

Hotline
1900 2273

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO PHÂN TÍCH KỸ THUẬT THÁNG 06.2026:

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Vùng mua	Mục tiêu	Cắt lỗ	Giá bán	Ngày bán	Tỷ suất sinh lời	Trạng thái
NT2	22/07/2026	~21.500	~22.500-24.000	<20.500			+0,23%	Nắm giữ
GMD	03/07/2026	~74.000	~82.000-87.000	<68.000			+4,19%	Nắm giữ
NLG	17/6/2026	~27.600	~32.000-35.000	<24.500	23.700	20/07/2026	-14,13%	Cắt lỗ
DXG	16/6/2026	~13.150	~15.000-16.000	<11.000	11.350	20/07/2026	-13,69%	Cắt lỗ
GEX	12/6/2026	~30.500	~36.000-45.000	<27.000	26.000	13/07/2026	-14,75%	Cắt lỗ
SAB(*)	11/6/2026	~45.750	~49.000-54.000	<42.000			-2,08%	Nắm giữ
VCK	9/6/2026	~33.500	~35.000-38.000	<31.5000	31.250	17/07/2026	-6,72%	Cắt lỗ
VJC(**)	5/6/2026	~133,850	~142.310-169.230	<111.540			-5,42%	Nắm giữ
MWG	4/6/2026	~75.000-78.500	~85.000-95.000	<74.000	70.600	22/07/2026	-9,72%	Cắt lỗ

Lưu ý: Trạng thái và Giá bán (nếu có) sẽ được cập nhật hàng ngày tại Bản tin thị trường hàng ngày.

(*): Các giá đã được điều chỉnh theo thông tin SAB chia cổ tức bằng tiền đợt 2/2025, 3000 đồng/Cổ phiếu.

(**): Các giá đã được điều chỉnh theo thông tin VJC chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100:30.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THÁNG 07.2026 (*):

Mã	Thông tin	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa tại ngày khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Tỷ suất sinh lời kỳ vọng
MWG	- KQKD 5T.2026: Doanh thu thuần tăng 29,3% YoY, nhờ ĐMX (TGDD+DMX) tăng trưởng 33% YoY bởi doanh thu/cửa hàng tăng 33%, chiếm 68,8% doanh thu tổng; BHX tăng 22,5% YoY. Mảng BHX đã mở 532 cửa hàng trong 5 tháng đầu năm. Tháng 6, ĐMX đạt tăng trưởng 31% sau 6T, riêng doanh thu tháng 6 tăng 21,6% YoY, chuỗi Erablue mở thêm 8 cửa hàng, đạt mức 146 cửa hàng. Tăng trưởng có phần chậm lại nhẹ trong tháng 6, do nền các tháng trước cao, nhưng vẫn tích cực.	08/07/2026	78.800	88.000	75.000	11,7%
CTG	- Tăng trưởng tín dụng 2,5% trong 4 tháng, so với mức tăng trưởng 1,8% của Q1. Ước tính tăng trưởng tín dụng đạt 6% trong 6 tháng đầu năm. Đến hết tháng 6, sơ bộ, tổng tài sản CTG tăng 7,2% so với đầu năm, đạt 3 triệu tỷ.	08/07/2026	34.500	38.000	33.000	10,1%
PHR	- Động lực chính đến từ bồi thường và chuyển đổi đất cao su, gồm khoảng 1.400 tỷ đồng từ dự án Bắc Tân Uyên 1 (trong đó khoảng 500 tỷ có thể ghi nhận năm 2025) và thỏa thuận với VSIP tại VSIP III trị giá 3.260 tỷ đồng, với 1.157 tỷ đã nhận và phần còn lại 2.103 tỷ dự kiến thu giai đoạn 2026-2027. Giá xuất khẩu cao su T6 bình quân ngành tăng 69% YoY.	08/07/2026	63.800	70.500	60.500	10,5%
SSI	- Khối ngoại bán ròng 80 nghìn tỷ trong 6T2026, điều này dẫn đến vai trò dòng tiền khối nội nâng đỡ, và thúc đẩy margin chung của toàn ngành. SSI đã hoàn tất tăng vốn vào tháng 12.2025, vốn điều lệ tăng từ 20,8 lên mức 24,9 nghìn tỷ và thời gian tới tăng vốn lên 30 nghìn tỷ, có thêm dư địa cấp margin. Lợi nhuận Q2 tích cực dù thanh khoản thị trường thấp.	08/07/2026	27.200	29.800	26.000	9,6%
VPB	- Ban lãnh đạo cho rằng lợi nhuận trước thuế 8 nghìn tỷ trong Q2, chúng tôi cho rằng kết quả thực tế cao hơn. VPB giữ mục tiêu tăng trưởng tín dụng 35%. Ước tính đạt 50% kế hoạch tín dụng, tương đương tăng trưởng 17% sau 6 tháng, cao nhất ngành. Cty đang thúc đẩy các kế hoạch phát hành, với việc phát hành riêng lẻ dự kiến Q4.2026 hoặc đầu năm 2027.	08/07/2026	27.750	30.500	26.500	9,9%
GMD	- Quý 2.2026, kim ngạch xuất khẩu cả nước tăng 22,7% YoY; nhập khẩu tăng 39,1% YoY. Sản lượng hàng hóa thông qua các cảng biển VN trong 5T.2026 tăng 15% YoY. Cảng Nam Đình Vũ (GMD) sản lượng quý 2 cải thiện so với quý 1, trong khi Gemalink dẫn đầu đầu khu vực Cái Mép. Dự kiến Q2 có khả năng ghi nhận 450 tỷ từ chuyển nhượng Mekong Logistics.	08/07/2026	77.400	85.000	74.300	9,8%
MBB	- Kế hoạch tăng trưởng tín dụng của MBB 30-35%, ước tính quý 2 tăng trưởng tín dụng 14%, lợi nhuận trước thuế tăng 26,6% YoY, ban lãnh đạo cho rằng hết tháng 5 tín dụng đã tăng 10% YTD. NIM đã tạo đáy trong quý 1 và hồi phục ở Q2.	08/07/2026	26.000	28.500	25.200	9,6%
PVD	- Lợi nhuận quý 2 có sự đóng góp của giãn khoan PVD VIII và PVD IX vừa đưa vào khai thác từ tháng 4, ước tính lợi nhuận hợp nhất Q2 330 tỷ, tăng 10% so với quý trước và 32% YoY. Các giãn khoan đều được lấp đầy công việc đến hết Q3.	08/07/2026	32.550	36.300	31.000	11,5%

***Danh mục tháng 07.2026 so với tháng 06.2026, chúng tôi loại DGW, trong khi thêm mới PHR, PVD và giữ nguyên MWG, CTG, MBB, VPB, SSI, GMD.** Chúng tôi loại DGW để giảm tỷ trọng mảng phân phối hàng công nghệ khi đã có MWG, việc cơ cấu này nhằm đa dạng hóa cho danh mục và tận dụng mùa báo cáo kết quả quý 2. Kết quả sơ bộ của DGW vẫn tích cực, doanh thu tháng 6 tăng 52% so với cùng kỳ (YoY) và quý 2 tăng 33% YoY, mức tăng trưởng cao nhờ các mảng laptop, thiết bị văn phòng lần lượt tăng 52% và 51% YoY. Với MWG, đây tiếp tục là cổ phiếu hàng đầu được giữ trong danh mục kể từ tháng 6.2025, tăng trưởng của MWG đến từ đồng đều ở các trụ cột ĐMX, BHX, Erablue, trong khi An Khang giảm lỗ, chúng tôi cho rằng MWG giảm 16% kể từ đỉnh 94 đến từ ảnh hưởng chung của thị trường, khối ngoại đã bán ròng ở hầu hết rổ VN30 nhưng vẫn kín room ngoại đối với MWG cho thấy niềm tin từ nội lực cơ bản của MWG. Với nhóm ngân hàng, tiếp tục là CTG, MBB và VPB. Với CTG là ngân hàng có định giá hấp dẫn nhất trong nhóm quốc doanh và khả năng vượt VCB để dẫn đầu lợi nhuận ngành ngân hàng, nhờ tối hoạt động và kiểm soát chặt rủi ro. Trong khi MBB cho thấy là ngân hàng toàn diện, khi các mảng từ bất động sản, năng lượng, cho đến hạ tầng, gần đây là tham gia sâu hơn vào chuyển đổi số và thanh toán không tiền mặt ở các địa phương, cũng như thúc đẩy cho vay FDI. Với VPB, năng lực vốn mạnh mẽ và sự hỗ trợ chặt chẽ từ cổ đông lớn SMBC khi đã tham gia thu xếp cho VPB khoản vay hợp vốn 1,44 tỷ USD vừa qua, để ngỏ khả năng tham gia thương vụ phát hành riêng lẻ của VPB; lãi suất cao ảnh hưởng đến chất lượng tài sản của VPB do khẩu vị cho vay rủi ro cao, nhưng khi nền kinh tế vững vàng hơn, thì VPB cũng có sức bật tốt hơn. Thêm PHR và PVD khi chúng tôi cho rằng cả 2 cổ phiếu này đều đã giảm mạnh thời gian qua, và lợi nhuận quý 2 tăng mạnh, giá cao su vẫn duy trì nền cao dù giá dầu giảm về trước khi có căng thẳng tại Trung Đông, do nguồn cung cao su thế giới bị ảnh hưởng bởi thời tiết, trong khi PVD với ngành thượng nguồn nhóm dầu khí đang hưởng lợi nhiều hơn từ thúc đẩy hạ tầng năng lượng của đất nước và sửa đổi Luật Dầu khí. Chúng tôi cũng giữ SSI và GMD khi kỳ vọng những doanh nghiệp này có kết quả kinh doanh tốt trong Q2 và cả Q3. Về thị trường chung, kể từ tháng 7 nhiều chính sách có hiệu lực, bao gồm bỏ hạn mức tín vào room tín dụng cho các dự án trọng điểm, điều chỉnh hệ số LDR, tăng tiền gửi kho bạc ở các ngân hàng thương mại, loại trừ các khoản cho vay đối với nhà ở xã hội và khu công nghiệp, sẽ giúp thúc đẩy tăng trưởng GDP liên quan đến các trụ cột xây dựng, hạ tầng nhiều hơn. Ngoài ra, thương mại dù vẫn thâm hụt nhưng mức độ đã giảm dần cho thấy tín hiệu tốc độ xuất khẩu cải thiện, và kỳ vọng sẽ thặng dư thương mại ở các tháng cuối năm. Trụ cột FDI với vốn giải ngân và đăng ký tăng mạnh, dần đóng vai trò quan trọng khi giúp cân bằng cán cân thanh toán do thâm hụt thương mại 6 tháng đầu năm. Lạm phát hạ nhiệt khi giá dầu ở nền thấp hơn. Tổng kết lại, dù rằng lãi suất hiện nay vẫn còn ở mức cao nhưng đã có những tín hiệu cho thấy thị trường đi qua “điểm uốn”, từ khó khăn chuyển sang bớt khó khăn hơn. Chiến lược đầu tư là tiếp tục duy trì tỷ trọng trung bình, có thể trading ngắn với một tỷ trọng nhỏ, chờ đợi thị trường rõ ràng hơn từ các trụ cột bút phá. **Nơi cuối con đường hầm, ánh sáng le lói dần xuất hiện!**

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 7 & 7 THÁNG NĂM 2026

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP



Tháng 7/2026

↑ 1,2% MoM
↑ 14,5% YoY

7 tháng năm 2026

↑ 11,4% Lũy kế YoY

Mức tăng cao nhất của 7 tháng so với cùng kỳ trong nhiều năm qua

VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NN



Tháng 7/2026

↑ 25,9% YoY
98,6 nghìn tỷ đồng

7 tháng năm 2026

↑ 18,4% Lũy kế YoY
445,5 nghìn tỷ đồng

= 39,0% kế hoạch năm



So với cùng kỳ năm trước



So với tháng trước



Lũy kế so với cùng kỳ năm trước

ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI



Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký (đến 31/7/2026)

38,06 tỷ USD

↑ 58,0% YoY

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện (7/7/2026)

15,20 tỷ USD

↑ 11,8% YoY

THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC



Tổng thu ngân sách Nhà nước Tháng 7/2026

259,7 nghìn tỷ đồng

7 tháng năm 2026

↑ 1.834,6 = 72,5% nghìn tỷ đồng dự toán năm

↑ 16,0% Lũy kế YoY

Tổng chi ngân sách Nhà nước Tháng 7/2026

215,4 nghìn tỷ đồng

7 tháng năm 2026

↑ 1.364,3 = 43,2% nghìn tỷ đồng dự toán năm

↑ 7,7% Lũy kế YoY

TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG



Tháng 7/2026

↑ 0,9% MoM
↑ 14,5% YoY
669,1 nghìn tỷ đồng

7 tháng năm 2026

↑ 13,1% Lũy kế YoY
4.555,8 nghìn tỷ đồng

Loại trừ yếu tố giá: ↑ 7,5% (năm 2025: ↑ 7,4%)

XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA



Tháng 7/2026

↑ 5,3% MoM
↑ 33,0% YoY
109,75 tỷ USD

7 tháng năm 2026

↑ 28,1% Lũy kế YoY
659,58 tỷ USD

Tổng kim ngạch XNK

Cán cân thương mại hàng hóa -20,52 tỷ USD

XUẤT KHẨU HÀNG HÓA



Tháng 7/2026

↑ 4,5% MoM
↑ 25,0% YoY
53,08 tỷ USD

7 tháng năm 2026

↑ 21,7% Lũy kế YoY
319,53 tỷ USD

• Khu vực kinh tế trong nước 63,64 tỷ USD ↑ 5,8% (chiếm 19,9%)

• Khu vực FDI (kể cả dầu thô) 255,89 tỷ USD ↑ 26,4% (chiếm 80,1%)

NHẬP KHẨU HÀNG HÓA



Tháng 7/2026

↑ 6,1% MoM
↑ 41,4% YoY
56,67 tỷ USD

7 tháng năm 2026

↑ 34,8% Lũy kế YoY
340,05 tỷ USD

• Khu vực kinh tế trong nước 92,14 tỷ USD ↑ 24,1%

• Khu vực FDI 247,91 tỷ USD ↑ 39,2%

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG (CPI)



Tháng 7/2026

↓ -0,12% MoM
↑ 4,45% YoY

So với tháng 12/2025 ↑ 3,08%

7 tháng năm 2026

↑ 4,39% Lũy kế YoY

Lạm phát cơ bản ↑ 4,19%

Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global tăng lên 52,9 điểm trong tháng 7, từ 51,8 điểm của tháng 6, đánh dấu 13 tháng liên tiếp PMI trên ngưỡng 50 và cho thấy đà mở rộng của ngành tiếp tục được củng cố. Động lực tăng trưởng cải thiện khi sản lượng, đơn đặt hàng mới và đơn hàng xuất khẩu đều tăng nhanh hơn tháng trước. Doanh nghiệp cũng đẩy mạnh mua hàng và tuyển dụng, phản ánh kỳ vọng tích cực về nhu cầu trong thời gian tới. Áp lực lạm phát tiếp tục hạ nhiệt. Chi phí đầu vào và giá bán đầu ra vẫn tăng nhưng với tốc độ chậm nhất trong khoảng 10 tháng, nhờ giá nhiên liệu giảm. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp vẫn ghi nhận chi phí vận chuyển tăng do tình trạng thiếu container. Nguồn cung tiếp tục cải thiện khi thời gian giao hàng của nhà cung cấp được rút ngắn tháng thứ ba liên tiếp. Trong khi đó, tồn kho đầu vào giảm do nguyên vật liệu được đưa ngay vào sản xuất, còn khối lượng công việc tồn đọng tiếp tục tăng vì tốc độ tuyển dụng chưa theo kịp đà tăng của đơn hàng. Dù niềm tin kinh doanh tăng lên mức cao nhất trong ba tháng, tâm lý doanh nghiệp vẫn thấp hơn mức trung bình lịch sử do lo ngại các rủi ro địa chính trị, đặc biệt là xung đột tại Trung Đông, có thể ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng trong nửa cuối năm.

Kinh tế Việt Nam tháng 7

Chỉ số SX Công nghiệp (IIP) tháng 7 tăng 1,2% MoM, tăng 14,5% YoY và lũy kế 7 tháng tăng 14,5%. Mức tăng tháng 7 được đóng góp phần lớn bởi nhóm Công nghiệp chế biến chế tạo (+15% YoY), tập trung ở các ngành có khối FDI, sản xuất thiết bị điện tử, máy vi tính +22 YoY. Trong 7 tháng đầu năm, số doanh nghiệp thành lập mới là 187,2 nghìn (+7,5% yoy) và rút lui khỏi thị trường là 155,3 nghìn doanh nghiệp (+7,6% yoy), cho thấy những thay đổi của nền kinh tế buộc các doanh nghiệp cấu trúc. **Giải ngân đầu tư công (vốn ngân sách)** tháng 7 tăng 25,9% yoy và lũy kế 7 tháng tăng 18,4% yoy, giải ngân đầu tư công trong tháng 7 bước vào pha tăng tốc khi đây là tháng có tốc độ tăng trưởng yoy cao nhất trong 7 tháng. **Tổng mức bán lẻ hàng hóa và tiêu dùng** tháng 7 tăng 0,9% MoM và tăng 14,5% YoY, lũy kế 7 tháng tăng 13,1% và nếu loại trừ lạm phát đạt mức tăng 7,5% YoY, dù loại yếu tố lạm phát, tiêu dùng trong nước vẫn khá tốt khi tốc độ tăng yoy có cải thiện, điều này nhờ hoạt động du lịch, lễ hành và ăn uống đóng góp tăng trưởng chính. **Chỉ số giá CPI** tháng 7 giảm 0,12% MoM nhờ giá năng lượng giảm tác động chung. **Thương mại**, xuất khẩu tháng 7 và tháng 6 ghi nhận sự tăng tốc, tuy nhiên nhập khẩu hai tháng này cũng tăng trưởng trên 40% YoY, điều này kéo theo thâm hụt thương mại 3,59 tỷ USD trong tháng 7 và là tháng thứ 8 liên tiếp thâm hụt. Phần lớn đến từ nhóm FDI đẩy mạnh nhập khẩu, giá trị nhập khẩu Điện tử, máy tính và linh kiện tăng 55% yoy trong tháng 7. Nhìn chung, hoạt động sản xuất công nghiệp của cả nước trong tháng 7 tiếp tục duy trì tích cực, với điểm nhấn đến từ khối FDI, giải ngân đầu tư công trong nước được thúc đẩy nhanh hơn khi bắt đầu vào giai đoạn tăng tốc, tuy nhiên vẫn còn thấp khá xa so với kế hoạch. Trong khi đó áp lực tiếp tục đè lên cán cân thanh toán khi VN có tháng thứ 8 thâm hụt thương mại. Môi trường lãi suất cao & lạm phát kéo dài có thể sẽ cần theo dõi về tiêu dùng trong các tháng tới.

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Số liệu ước tính

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC THÁNG 01+02+03.2026

Danh sách khuyến nghị tháng 01.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/01/2026	89.800	09/02/2026	89.300	-0,56%	83.800–94.400	-4,23%
CTG	07/01/2026	37.450	09/02/2026	37.100	-0,93%	36.800–43.500	-4,41%
KBC	07/01/2026	35.800	09/02/2026	34.500	-3,63%	33.300–38.200	-4,19%
GMD	07/01/2026	62.700	09/02/2026	71.300	13,72%	61.900–75.000	-4,78%
VPB	07/01/2026	29.250	09/02/2026	26.750	-8,55%	26.650–31.450	-4,96%
DBC	07/01/2026	26.850	09/02/2026	26.750	-0,37%	25.750–29.650	-3,91%
MBB	07/01/2026	26.700	09/02/2026	27.600	3,37%	26.000–28.300	-4,12%
VNINDEX	07/01/2026	1.861,58	09/02/2026	1.754,82	-5,73%	1.749,87–1.918,46	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/01 – 09/02					0.43%		-4,37%

Danh sách khuyến nghị tháng 02.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	09/02/2026	89.300	09/03/2026	77.000	-13,77%	77.000–94.300	-5,38%
CTG	09/02/2026	37.100	09/03/2026	33.200	-10,51%	33.200–39.100	-4,85%
KBC	09/02/2026	34.500	09/03/2026	29.900	-13,33%	29.900–36.350	-5,80%
HCM	09/02/2026	22.900	09/03/2026	21.750	-5,02%	21.750–25.750	-5,24%
VPB	09/02/2026	26.750	09/03/2026	24.800	-7,29%	24.800–29.500	-4,67%
DBC	09/02/2026	26.750	09/03/2026	22.900	-14,39%	22.900–27.550	-4,67%
MBB	09/02/2026	27.600	09/03/2026	24.850	-9,96%	24.850–29.500	-5,07%
VNINDEX	09/02/2026	1.754,82	09/03/2026	1.652,79	-5,81%	1.650,49–1.899,44	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/01 – 09/02					-10,61%		-5,10%

Danh sách khuyến nghị tháng 03.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	09/03/2026	77.000	07/04/2026	78.000	1,30%	74.200–83.900	-7,79%
CTG	09/03/2026	33.200	07/04/2026	33.700	1,51%	32.000–35.750	-7,53%
STB	09/03/2026	60.800	07/04/2026	61.700	1,48%	58.100–69.200	-7,89%
HCM	09/03/2026	21.750	07/04/2026	24.250	11,49%	19.100–24.600	-7,59%
VPB	09/03/2026	24.800	07/04/2026	26.050	5,04%	23.900–27.350	-8,06%
VCB	09/03/2026	57.300	07/04/2026	58.000	1,22%	56.500–62.000	-7,33%
MBB	09/03/2026	24.850	07/04/2026	25.600	3,02%	24.850–27.100	-7,44%
VNINDEX	09/03/2026	1.652,79	07/04/2026	1.677,54	1,50%	1.586–1.743	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 09/03 – 07/04					3,58%		-7,66%

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC THÁNG 04+05+06.2026

Danh sách khuyến nghị tháng 04.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/04/2026	78.000	07/05/2026	86.000	10,26%	79.800–88.500	-5,13%
CTG	07/04/2026	33.700	07/05/2026	35.800	6,23%	34.300–36.800	-5,04%
GMD	07/04/2026	71.900	07/05/2026	79.500	10,57%	71.000–80.600	-6,12%
MSN	07/04/2026	75.100	07/05/2026	81.000	7,86%	76.100–82.500	-6,13%
VPB	07/04/2026	26.050	07/05/2026	28.150	8,06%	26.500–28.500	-6,72%
KDH	07/04/2026	25.000	07/05/2026	24.200	-3,20%	24.000–26.950	-6,00%
MBB	07/04/2026	25.600	07/05/2026	26.100	1,95%	25.750–27.100	-4,30%
VNINDEX	07/04/2026	1.677,54	07/05/2026	1.909,01	13,80%	1.706,59–1.924,95	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/04 – 07/05					5,96%		-5,63%

Danh sách khuyến nghị tháng 05.2026 (*VPB và DGW chia cổ tức tiền mặt lần lượt 500đ/cp và 1.000đ/cp, tỷ suất sinh lời đã bao gồm cổ tức sau thuế)

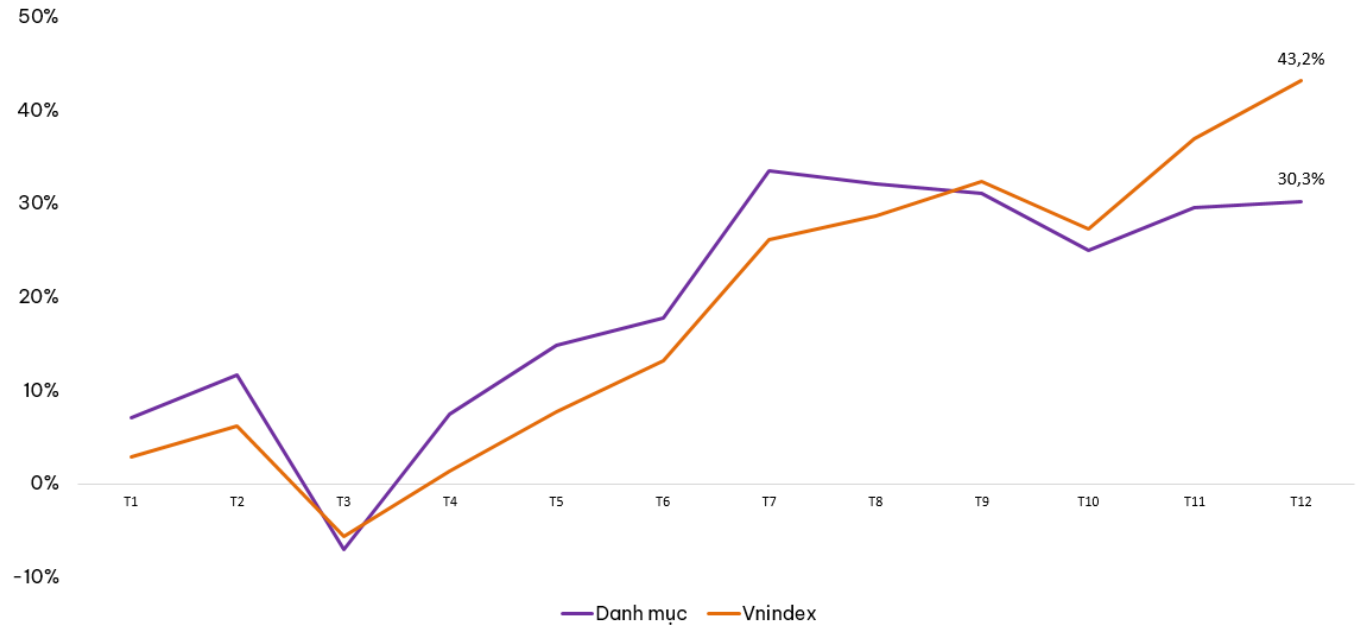
Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/05/2026	86.000	05/06/2026	78.000	-9,30%	74.200-85.900	-5,13%
CTG	07/05/2026	35.800	05/06/2026	33.900	-5,31%	33.700-36.800	-5,04%
DGW*	07/05/2026	44.200	05/06/2026	39.900	-7,58%	39.100-43.000	-6,12%
VGC	07/05/2026	43.850	05/06/2026	41.500	-5,36%	41.500-45.600	-6,13%
VPB*	07/05/2026	28.150	05/06/2026	26.450	-4,35%	25.650-28.250	-6,72%
KDH	07/05/2026	24.200	05/06/2026	22.900	-5,37%	21.600-24.400	-6,00%
MBB	07/05/2026	26.100	05/06/2026	25.000	-4,21%	24.500-26.550	-4,30%
VNINDEX	07/05/2026	1.909	05/06/2026	1.838,9	-3,67%	1.798-1.933	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/05 – 05/06					-5,93%		-5,27%

Danh sách khuyến nghị tháng 06.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	05/06/2026	78.000	08/07/2026	78.800	1,03%	75.000-81.400	-5,77%
CTG	05/06/2026	33.900	08/07/2026	34.500	1,77%	33.250-34.750	-4,13%
DGW	05/06/2026	39.900	08/07/2026	39.450	-1,13%	37.450-42.000	-6,02%
SSI	05/06/2026	27.000	08/07/2026	27.200	0,74%	26.150-28.000	-5,56%
VPB	05/06/2026	26.450	08/07/2026	27.750	4,91%	25.600-28.100	-4,73%
GMD	05/06/2026	76.200	08/07/2026	77.400	1,57%	72.400-80.000	-5,51%
MBB	05/06/2026	25.000	08/07/2026	26.000	4,00%	24.550-26.150	-4,00%
VNINDEX	05/06/2026	1.838,9	08/07/2026	1.853,7	0,80%	1.798-1.933	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 05/06 – 08/07					1,84%		-5,27%

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC (2025)

Hiệu suất Danh mục & Vnindex



(2025)	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
Danh mục	7,1%	4,6%	-18,7%	14,6%	7,3%	2,9%	15,9%	-1,4%	-1,0%	-6,1%	4,5%	0,7%
Vnindex	2,9%	3,4%	-11,9%	7,0%	6,4%	5,4%	13,0%	2,5%	3,7%	-5,1%	9,7%	6,1%

Danh mục khuyến nghị 2025, bắt đầu từ ngày 13/01/2025 và kết thúc chốt sổ tháng 12.2025 vào ngày 07/01/2026. Hiệu suất danh mục trong bảng được tính theo tháng. Tham khảo danh mục 12 tháng 2025:

[Danh sách khuyến nghị tháng 1 \(13/01\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 2 \(07/02\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 3 \(07/03\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 4 \(09/04\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 5 \(07/05\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 6 \(06/06\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 7 \(07/07\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 8 \(08/08\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 9 \(08/09\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 10 \(07/10\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 11 \(07/11\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 12 \(08/12\)](#)

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) là thành viên của Ngân hàng số Vikki, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. VikkiBankS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

HỆ THỐNG CHI NHÁNH

• Trụ sở chính:

Địa chỉ: 62 – 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 5445

• Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: 60–70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 4891

• Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 5175 Fax: (024) 3944 5178 – 3944 5176

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của VikkiBankS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VikkiBankS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, VikkiBankS không đảm bảo độ chính xác thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi VikkiBankS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của VikkiBankS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.